TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG, HUYỆN CÁI BÈ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2017
V/v tranh chấp ‘‘Xin ly hôn và nuôi con’’

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Nhịn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Hài.**

2. Ông **Mã Thanh Trung.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Bùi Quốc Hiển** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa***: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 270/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp ‘‘Xin ly hôn’’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Mỹ L**, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn B, huyện M, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh N**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 18/4/2017, giấy xác nhận về quyền nuôi con ngày 31/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ L trình bày: Chị và anh Nguyễn Minh N xác lập quan hệ vợ chồng năm 2012 có đăng ký kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cải vã nên mất hạnh phúc. Anh chị tự cắt đứt

quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2017 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, nay xin được ly hôn với anh N.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 05/3/2012, hiện do anh N nuôi dưỡng và Nguyễn Nhựt Y, sinh ngày 24/3/2015, hiện do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Y, giao anh N nuôi dưỡng cháu T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu Y.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- *Theo bản tự khai đề ngày 02/5/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Minh N trình bày*: Về thời gian sống chung như lời trình bày của chị L khai là đúng, nay chị L yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như lời chị L khai là đúng. Khi ly hôn anh yêu cầu nuôi dưỡng cháu T, giao chị L nuôi dưỡng cháu Y.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi cháu T.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên. Anh N vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự: Chị Trần Thị Mỹ L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Nguyễn Minh N. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh N đã được triệu tập xét xử hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ L và anh Nguyễn Minh N chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện M, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01,

ngày 19/3/2012. Anh chị chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp và tự cắt đứt quan hệ vợ chồng vào đầu năm 2017 đến nay. Xét thấy mặc dù anh N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng theo ý kiến, lời khai anh N trong quá trình giải quyết vụ án thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị L, như vậy chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, hơn nữa anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần việc xét xử chị L xin ly hôn anh, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy anh không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng của anh chị và xem như anh từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi cho mình, xét yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, cho chị Trần Thị Mỹ L được ly hôn anh Nguyễn Minh N.

- Về con chung: Anh chị thống nhất khai có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T sinh ngày 05/3/2012, hiện do anh N nuôi dưỡng và Nguyễn Nhựt Y sinh ngày 24/3/2015, hiện do chị L nuôi dưỡng. Chị L yêu cầu khi ly hôn con đang sống với ai giao người đó tiếp tục nuôi dưỡng. Mặc dù anh N vắng mặt nhưng lời khai anh trong quá trình giải quyết vụ án anh cũng đồng ý con đang sống với ai giao người đó tiếp tục nuôi dưỡng, đồng thời con chung do anh chị nuôi dưỡng từ khi cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay đã ổn định, nên không cần xáo trộn tình cảm của con chung, mà hiện con đang sống với ai giao cho người đó tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L, anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Chị L và anh N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 Điều 273, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mỹ L.

Cho chị Trần Thị Mỹ L được ly hôn với anh Nguyễn Minh N.

2. Về con chung:

- Tiếp tục giao Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 05/3/2012 cho anh Nguyễn Minh N nuôi dưỡng.

- Tiếp tục giao Nguyễn Nhựt Y, sinh ngày 24/3/2015 cho chị Trần Thị Mỹ L nuôi dưỡng.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L, anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung: Không có.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 06702 ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Xem như chị L đã nộp xong tiền án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Mỹ L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N được tính từ khi nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND thị trấn B, huyện M, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu: TDS, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHẠM VĂN NHỊN